TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/DS-ST
Ngày: 19/3/2020
V/v Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **NGUYỄN VĂN DỰC**
2. Ông **TRẦN VĂN NHU**

- Thư ký phiên tòa**:** Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **NGUYỄN THANH BÌNH** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 400/2019/TLST-DS ngày 04/12/2019 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-DS ngày 02/3/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **HỒ THỊ T,** sinh năm: 1974
Địa chỉ: ấp ML, xã TT, huyện CB , tỉnh TG.
* *Bị đơn:* Ông **HỒ VĂN N,** sinh năm: 1975
Bà **TÔ THỊ G**, sinh năm: 1972
Cùng địa chỉ: ấp ML, xã TT, huyện CB , tỉnh TG.
(Bà T có mặt tại phiên tòa, ông N, bà G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các ý kiến trình bày tại Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, phía nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:*

Nguyên vào ngày 01/11/2016 bà có cho ông Hồ Văn N và bà Tô Thị G vay số tiền là 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận khi nào bà cần sẽ lấy lại. Khi vay có làm biên nhận nợ và vợ chồng ông N, bà G có ký tên vào biên nhận, do ở địa phương tên ông N thường gọi là B nên trong biên nhận ghi là Hồ Văn B, do không để ý kỹ nội dung biên nhận nên ghi bằng số là 20.000 đồng, nhưng thực chất ông N, bà G vay số tiền là 20.000.000 đồng nên có ghi bằng chữ là hai chục triệu đồng chẵn. Đến tháng 4 năm 2017 bà có yêu cầu vợ chồng ông N, bà G trả lại số tiền này nhưng ông N, bà G né tránh, thường vắng mặt tại địa phương và cố tình không trả.

Nay bà yêu cầu ông N, bà G có trách nhiệm trả số tiền nợ là 20.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01/11/2016 đến ngày xét xử.

** Bị đơn ông Hồ Văn N và bà Tô Thị G đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông, bà vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến đối với vụ kiện.*

Tại phiên tòa bà T yêu cầu ông N, bà G có trách nhiệm trả số tiền nợ là 20.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà T xin rút yêu cầu về việc yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền nợ 20.000.000 đồng từ ngày 01/11/2016 đến ngày xét xử.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa :

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 01/11/2016, Hồ Văn N, Tô Thị G vay của bà Hồ Thị T số tiền 20.000.000 đồng, không kỳ hạn và không thỏa thuận lãi suất. Tại biên nhận lập ngày 01/11/2016, thể hiện người vay là Hồ Văn B; số tiền ghi bằng số là 20.0000 đồng, viết bằng chữ là hai chục triệu đồng chẵn. Tòa án nhân dân huyện cái Bè đã tiến hành xác minh, kết quả xác định Hồ Văn B là tên thường gọi của Hồ Văn N. Đối với số tiền vay ghi bằng số là 20.000 đồng, có cơ sở xác định là sự nhầm lẫn của ông Nguyên khi ghi biên nhận vì nội dung viết bằng chữ thể hiện là hai chục triệu đồng. Từ đó đủ căn cứ xác định Hồ Văn N, Tô Thị G vay của Hồ Thị T số tiền 20.000.000 đồng. Đến tháng 04/2017, bà Hồ Thị T yêu cầu ông N, bà G trả tiền nợ vay nhưng vợ chồng ông N không thực hiện việc trả nợ vay.

Bà Hồ Thị T khởi kiện yêu cầu Hồ Văn N, Tô Thị G trả tiền nợ vay là 20.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định từ ngày 01/11/2016 đến ngày xét xử là 19/3/2020. Tại phiên xử bà Hồ Thị T rút yêu cầu khởi kiện đối với việc tính lãi suất từ ngày 01/11/2016 đến ngày xét xử là 19/3/2020, việc rút yêu cầu khởi kiện của bà T đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 BLTTDS, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút của bà T.

Phía bị đơn Hồ Văn N, Tô Thị G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N, bà G vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T là có cơ sở chấp nhận vì hợp đồng vay tài sản giữa bà T và ông N, bà G vào ngày 01/11/2016, không có kỳ hạn và không có thỏa thuận lãi suất nên có căn cứ buộc ông N, bà G trả cho bà Thu số tiền nợ vay là 20.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hồ Thị Thu.

Buộc Hồ Văn N; Tô Thị G trả số tiền nợ vay cho bà Hồ Thị T là 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng :***

- Phía bị đơn ông Hồ Văn N và bà Tô Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông, bà là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Tranh chấp giữa bà Hồ Thị T với ông Hồ Văn N, bà Tô Thị G là tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự.

[2] ***Về nội dụng vụ kiện :***

Phía bà T xác định phía bị đơn có vay tiền của bà và có xác lập một giấy nợ vào ngày 01/11/2016 vay 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận không lãi suất, khi nào bà cần sẽ lấy lại tiền. Khi vay phía bị đơn có làm giấy biên nhận nợ và vợ chồng bị đơn có ký tên vào biên nhận, do ở địa phương tên ông N thường gọi là B nên trong biên nhận ghi là Hồ Văn B, do không để ý kỹ nội dung biên nhận nên ông N có ghi bằng số là 20.000 đồng là có sự nhầm lẫn, thực chất là vay 20.000.000 đồng nên có ghi bằng chữ là hai chục triệu đồng chẵn. Vào tháng 4 năm 2017 bà có yêu cầu vợ chồng ông N, bà G trả lại số tiền này nhưng ông, bà cố tình né tránh và không trả. Nay phía nguyên đơn yêu cầu ông N, bà G có trách nhiệm trả số tiền nợ là 20.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà T xin rút yêu cầu về việc yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền nợ 20.000.000 đồng từ ngày 01/11/2016 đến ngày xét xử.

Còn phía bị đơn ông Hồ Văn N và bà Tô Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận bởi lẽ nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án 01 giấy biên nhận nợ đề ngày 01/11/2016 thể hiện phía bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là 20.000.000 đồng, mặc dù trong biên nhận ghi số là 20.000 đồng, tuy nhiên phần chữ có ghi là hai chục triệu đồng chẵn, phía nguyên đơn nhiều lần yêu cầu phía bị đơn hoàn trả lại số tiền nợ cho nguyên đơn nhưng đến nay phía bị đơn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ lấy lời khai ông Đoàn Văn T (Trưởng ấp ML, xã TT) thì phía ông T xác định tên thường gọi của ông Hồ Văn N ở địa phương là Hồ Văn B, theo ông phía bị đơn có biết về việc Tòa án thụ lý vụ kiện tranh chấp giữa các bên nhưng ông không biết vì sao phía bị đơn không đến Tòa, xét thấy phía Tòa án đã triệu tập hợp lệ, đồng thời niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho phía bị đơn thông báo về việc nguyên đơn khởi kiện nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện xem như phía bị đơn tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 20.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và phù hợp theo quy định pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Phía nguyên đơn xin rút lại yêu cầu về việc yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền nợ là 20.000.000 đồng (lãi suất từ ngày 01/11/2016 đến ngày xét xử). Xét thấy đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn phù hợp theo quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] ***Về án phí:***

Ông N, bà G có trách nhiệm trả nợ cho bà T nên ông, bà phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 217, 227, 235, 243, 244, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 469, 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T.

Buộc ông Hồ Văn N và bà Tô Thị G có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị T số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T về việc yêu cầu ông Hồ Văn N và bà Tô Thị G trả phần tiền lãi suất theo quy định pháp luật trên phần nợ 20.000.000 đồng (lãi tính từ ngày 01/11/2016 đến ngày 19/3/2020).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông N, bà G chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

* Về án phí:

+ Ông Hồ Văn N và bà Tô Thị G phải chịu 1.000.000 đồng án phí DSST.

+ Hoàn lại cho bà Hồ Thị T 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002702 ngày 04/12/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

* Về quyền kháng cáo : Bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông N, bà G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND Huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN TRUNG TÍNH